

CÔNG TY CỔ PHẦN IN DIÊN HỒNG

Báo cáo tài chính

*cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
đã được soát xét*

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04-05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	06-21
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Diên Hồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Diên Hồng được thành lập theo Quyết định số 1574/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Ngọc Thực	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Thỏa	Ủy viên
Bà Trần Thị Lan	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Ngọc Thực	Giám đốc
Ông Hoàng Văn Thỏa	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên
Ông Trịnh Hữu Lợi	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN DIỄN HỒNG

Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Đinh Ngọc Thực

Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2011

Số: /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

**Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
của Công ty Cổ phần In Diên Hồng**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Diên Hồng**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Diên Hồng được lập ngày 10 tháng 07 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Số dư "Phải thu người lao động" được trình bày và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2011 là 1.372.314.449 đồng và tiền lương của tháng 6 năm 2011 dự kiến phải trả người lao động trong tháng 7 năm 2011 là 139.320.814 đồng nếu được ghi nhận đầy đủ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ kế toán thì chỉ tiêu "Lợi nhuận chưa phân phối" trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2011 sẽ giảm tương ứng là 1.511.635.263 đồng.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của nó, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Diên Hồng tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo :

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 - "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác" trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ với tổng số cổ phiếu đã phát hành thành công là 1.244.862 cổ phiếu, giá bán thành công là 10.000 đồng/cổ phiếu. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện hạch toán tăng chỉ tiêu Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2011. Công ty đang thực hiện niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội, tại thời điểm 30/06/2011, Công ty chưa hoàn thành các thủ tục để 1.244.862 cổ phiếu mới phát hành được giao dịch trên thị trường chứng khoán, số tiền thu từ phát hành cổ phiếu 12.448.620.000 đồng Công ty đang trình bày trên khoản mục "Phải trả khác" trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Ngô Đức Đoàn

Tổng giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Vũ Xuân Biễn

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		19.625.950.095	20.316.250.188
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	7.855.686.538	1.526.235.448
111	1. Tiền		1.355.686.538	1.526.235.448
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.500.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.937.682.753	8.232.451.520
131	1. Phải thu của khách hàng		1.960.121.812	2.026.037.120
132	2. Trả trước cho người bán		312.754.990	2.693.453.200
135	5. Các khoản phải thu khác	4	2.724.040.181	3.572.195.430
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(59.234.230)	(59.234.230)
140	IV. Hàng tồn kho		5.626.898.146	10.234.606.048
141	1. Hàng tồn kho	5	5.626.898.146	10.234.606.048
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.205.682.658	322.957.172
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.088.457.235	223.875.538
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	292.935	286.838
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	116.932.488	98.794.796
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		18.151.577.534	5.955.080.143
220	II. Tài sản cố định		18.151.577.534	5.955.080.143
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	5.213.236.915	5.948.480.143
222	- Nguyên giá		20.045.761.837	20.045.761.837
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(14.832.524.922)	(14.097.281.694)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	12.938.340.619	6.600.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		37.777.527.629	26.271.330.331

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		23.565.931.326	10.505.205.074
310	I. Nợ ngắn hạn		23.354.272.988	10.251.719.415
312	2. Phải trả người bán		3.572.043.171	8.868.365.508
313	3. Người mua trả tiền trước		6.080.893.117	175.524.994
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		-	33.679.387
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	10	13.673.685.386	1.235.581.351
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		27.651.314	(61.431.825)
330	II. Nợ dài hạn		211.658.338	253.485.659
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		211.658.338	253.485.659
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		14.211.596.303	15.766.125.257
410	I. Vốn chủ sở hữu	11	14.211.596.303	15.766.125.257
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		13.831.800.000	13.831.800.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.454.245.544	1.454.245.544
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		32.805.890	9.265.162
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.107.255.131)	470.814.551
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		37.777.527.629	26.271.330.331

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.166.158	3.166.158

Trần Thị Lan

Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thực

Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.591.802.027	15.624.896.226
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	12	9.591.802.027	15.624.896.226
11	4. Giá vốn hàng bán	13	10.011.875.592	13.857.922.476
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(420.073.565)	1.766.973.750
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	29.853.692	34.182.606
22	7. Chi phí tài chính	15	77.986.477	334.094.973
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		77.986.477	334.094.973
24	8. Chi phí bán hàng		109.020.226	148.709.538
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		982.183.878	1.185.353.288
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.559.410.454)	132.998.557
31	11. Thu nhập khác		495.884.174	354.675.531
32	12. Chi phí khác		96.663.035	93.428.491
40	13. Lợi nhuận khác		399.221.139	261.247.040
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.160.189.315)	394.245.597
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16	-	115.672.161
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(1.160.189.315)</u>	<u>278.573.436</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17	(839)	201

Trần Thị Lan
Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thực
Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		16.979.857.427	14.750.318.944
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(8.728.799.850)	(5.645.869.349)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.945.846.874)	(2.546.289.498)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(77.986.477)	(334.094.973)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(31.991.587)	(62.293.748)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		64.508.721	76.422.696
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(723.326.175)	(1.046.927.871)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.536.415.185	5.191.266.201
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(11.415.507.847)	(110.000.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		29.853.692	34.182.606
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(11.385.654.155)	(75.817.394)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		12.448.620.000	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.061.308.253	2.841.598.415
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.061.308.253)	(9.687.663.544)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(269.929.940)	(414.954.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		12.178.690.060	(7.261.019.129)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		6.329.451.090	(2.145.570.322)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.526.235.448	3.026.841.538
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	7.855.686.538	881.271.216

Trần Thị Lan
Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thực
Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011****1 . THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần In Diên Hồng được thành lập theo Quyết định số 1574/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 13.831.800.000 đồng (Mười ba tỷ tám trăm ba mươi một triệu tám trăm ngàn đồng chẵn). Tương đương với 1.383.180 cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103004371 ngày 13 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 17/09/2009 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thì lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế xã hội;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in;
- In tranh ảnh giáo dục;
- Sản xuất và mua bán thiết bị giáo dục;
- Đại lý phát hành sách giáo khoa, sách tham khảo và các ấn phẩm văn hóa khác;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	08 - 10 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	160.182.021	110.544.362
Tiền gửi ngân hàng	1.195.504.517	1.415.691.086
Các khoản tương đương tiền	6.500.000.000	-
	7.855.686.538	1.526.235.448

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu người lao động	1.372.314.449	2.231.343.740
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại Hà Tây	848.605.300	848.605.300
Vật tư cho Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục vay	317.380.268	317.380.268
Phải thu khác	185.740.164	174.866.122
	2.724.040.181	3.572.195.430

5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.469.615.396	7.519.997.989
Công cụ, dụng cụ	9.758.686	12.349.282
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	758.103.784	2.298.750.202
Thành phẩm	388.316.843	402.405.138
Hàng gửi đi bán	1.103.437	1.103.437
Cộng giá gốc hàng tồn kho	5.626.898.146	10.234.606.048

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	292.935	286.838
	292.935	286.838

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	116.932.488	98.794.796
	116.932.488	98.794.796

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	12.938.340.619	6.600.000
- Máy in OFFSET CITYLINE EXPRESS	12.938.340.619	6.600.000
	12.938.340.619	6.600.000

Thực hiện Nghị Quyết Đại hội Cổ đông năm 2010, Công ty đã đầu tư mua sắm mới 1 máy in OFFSET 4 màu công nghệ cao phục vụ hoạt động sản xuất nhằm tăng năng lực sản xuất của Công ty. Quy trình mua sắm thông qua phương thức đấu thầu cạnh tranh, Công ty trúng thầu là Công ty Ferrostaal Việt Nam, giá đề nghị trúng thầu là 665.986,8 USD.

Đến thời điểm 30/06/2011, nhà cung cấp đã thực hiện lắp đặt xong các bộ phận chính của máy và bắt đầu quá trình chạy thử.

10 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	35.968.544	46.459.032
Bảo hiểm xã hội	74.785.469	72.616.022
Bảo hiểm thất nghiệp	5.968.198	5.267.506
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	33.000.000
Tiền đền bù đất nhận của NXB Giáo dục	1.000.000.000	1.000.000.000
Tiền thu phát hành cổ phiếu (*)	12.448.620.000	-
Phải trả, phải nộp khác	78.343.175	78.238.791
	13.673.685.386	1.235.581.351

(*) Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết đại hội cổ đông bất thường số 229/NQ-BHĐCĐ ngày 13/12/2010 với các nội dung chính:

- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/CP
- Tổng số cổ phiếu chào bán : 1.244.862 cổ phiếu
- Giá chào bán dự kiến : 10.000 đồng/CP
- Phương thức chào bán : Phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ 10/9

Theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 26/GCN-UBCK ngày 21/02/2011 của UBCK Nhà nước, cổ phiếu được chào bán từ ngày 21/02/2011 trong thời hạn 90 ngày.

Do các cổ đông hiện hữu khác từ chối quyền mua, toàn bộ số cổ phiếu trên được bán cho Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam. Đến thời điểm 30/06/2011, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã nộp đủ số tiền 12.448.620.000 đồng tiền mua cổ phiếu, Công ty đã lập Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng vào ngày 26/06/2011 và đã sử dụng nguồn tiền từ phát hành cổ phiếu mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty đang thực hiện các thủ tục theo quy định của UBCK Nhà nước để cổ phiếu mới phát hành được giao dịch trên thị trường chứng khoán.

11 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.831.800.000	13.831.800.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>13.831.800.000</i>	<i>13.831.800.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>13.831.800.000</i>	<i>13.831.800.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	276.636.000	356.692.444
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>276.636.000</i>	<i>356.692.444</i>

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.383.180	1.383.180
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.383.180	1.383.180
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.383.180</i>	<i>1.383.180</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.383.180	1.383.180
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.383.180</i>	<i>1.383.180</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.454.245.544	1.454.245.544
Quỹ dự phòng tài chính	32.805.890	9.265.162
	1.487.051.434	1.463.510.706

12 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	9.591.802.027	15.624.896.226
	9.591.802.027	15.624.896.226

13 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	10.011.875.592	13.857.922.476
	10.011.875.592	13.857.922.476

14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	29.853.692	34.182.606
	29.853.692	34.182.606

15 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	77.986.477	334.094.973
	77.986.477	334.094.973

16 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.160.189.315)	394.245.597
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	68.443.044
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	68.443.044
Tổng lợi nhuận tính thuế	(1.160.189.315)	462.688.641
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	-	115.672.161
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	115.672.161

17 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(1.160.189.315)	278.573.436
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.160.189.315)	278.573.436
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.383.180	1.383.180
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(839)	201

18 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

19 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực in ấn theo đơn đặt hàng, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

20 . NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:**

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu bán hàng		
- NXBGD Việt Nam	Công ty mẹ	131.136.364
- Nhà XBGD tại Hà nội	Công ty thành viên cùng tập đoàn	7.619.401.386
- Tạp chí Toán học và tuổi trẻ	Công ty thành viên cùng tập đoàn	10.909.091
- Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ	Công ty thành viên cùng tập đoàn	54.204.545
- Tạp chí Toán tuổi thơ	Công ty thành viên cùng tập đoàn	258.495.791
- Công ty CP in SGK Hoà Phát	Công ty thành viên cùng tập đoàn	93.200.000
- Công ty CP Sách ĐH - dạy nghề	Công ty thành viên cùng tập đoàn	391.045.762
- Cty CP thiết kế và PHS giáo dục	Công ty thành viên cùng tập đoàn	10.218.181
- CTy CP đầu tư và PT Giáo dục HN	Công ty thành viên cùng tập đoàn	992.199.788
- Cty CP Mỹ thuật và truyền thông	Công ty thành viên cùng tập đoàn	15.000.000
- Cty CP Đầu tư và PT Công nghệ Văn Lang	Công ty thành viên cùng tập đoàn	19.072.890
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản GD Hà Nội	Công ty thành viên cùng tập đoàn	30.000.000
- Cty CP sách và TBGD Miền Bắc	Công ty thành viên cùng tập đoàn	59.752.540

Mua hàng

- NXBGD Việt Nam	Công ty mẹ	804.463.800
- Công ty CP in SGK Hoà Phát	Công ty thành viên cùng tập đoàn	93.900.000

Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

- NXBGD Việt Nam	Công ty mẹ	12.448.620.000
------------------	------------	----------------

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu tiền hàng			
- NXBGD Việt Nam	Công ty mẹ	15.450.000	-
- Tạp chí Toán học và tuổi trẻ	Công ty thành viên cùng tập đoàn	12.000.000	-
- Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ	Công ty thành viên cùng tập đoàn	-	65.704.560
- Tạp chí Toán tuổi thơ	Công ty thành viên cùng tập đoàn	384.345.370	100.000.000
- Công ty CP in SGK Hoà Phát	Công ty thành viên cùng tập đoàn	102.520.000	-
- Công ty CP SGD tại TP. HCM	Công ty thành viên cùng tập đoàn	1.004.772	205.930.025
- Công ty CP Sách ĐH - dạy nghề	Công ty thành viên cùng tập đoàn	430.150.338	100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN IN DIỄN HỒNG

Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

- Cty CP thiết kế và PHS giáo dục	Công ty thành viên cùng tập đoàn	11.269.999	270.000
- Công ty CP học liệu Giáo dục Hà Nội	Công ty thành viên cùng tập đoàn	-	8.000.000
- Cty CP sách Dân tộc	Công ty thành viên cùng tập đoàn	140.812.197	540.812.197
- Cty CP đầu tư và PT Giáo dục HN	Công ty thành viên cùng tập đoàn	226.321.504	106.028.776
- Cty CP Mỹ thuật và truyền thông	Công ty thành viên cùng tập đoàn	16.500.000	-
- Cty CP Đầu tư và PT Công nghệ Văn Lang	Công ty thành viên cùng tập đoàn	8.250.000	-
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản GD Hà Nội	Công ty thành viên cùng tập đoàn	33.000.000	-
- Cty CP sách và TBGD Miền Bắc	Công ty thành viên cùng tập đoàn	32.727.794	-
Người mua trả trước			
- Nhà XBGD tại Hà nội	Công ty thành viên cùng tập đoàn	6.051.545.219	-
- Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Công ty thành viên cùng tập đoàn	7.747.897	-
Phải trả người bán			
- NXBGD Việt Nam	Công ty mẹ	-	1.706.486.272
- Nhà XBGD tại Hà nội	Công ty thành viên cùng tập đoàn	-	171.257.799
- Công ty CP in SGK Hoà Phát	Công ty thành viên cùng tập đoàn	54.010.000	-

21 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) soát xét.

Trần Thị Lan

Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thực

Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2011

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	2.877.629.520	15.785.478.006	1.167.548.638	215.105.673	20.045.761.837
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.877.629.520	15.785.478.006	1.167.548.638	215.105.673	20.045.761.837
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	2.532.255.376	10.677.733.173	672.187.472	215.105.673	14.097.281.694
Số tăng trong kỳ	68.102.176	594.508.016	72.633.036	-	735.243.228
- Trích khấu hao	68.102.176	594.508.016	72.633.036	-	735.243.228
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.600.357.552	11.272.241.189	744.820.508	215.105.673	14.832.524.922
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Đầu năm	345.374.144	5.107.744.833	495.361.166	-	5.948.480.143
Cuối kỳ	277.271.968	4.513.236.817	422.728.130	-	5.213.236.915

Trong đó

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.100.626.142 đồng

11 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	13.831.800.000	1.454.245.544	67.526.718	356.692.444	15.710.264.706
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	470.814.551	470.814.551
Chi trả cổ tức	-	-	(58.261.556)	(356.692.444)	(414.954.000)
Số dư đầu năm	13.831.800.000	1.454.245.544	9.265.162	470.814.551	15.766.125.257
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	(1.160.189.315)	(1.160.189.315)
Phân phối quỹ	-	-	23.540.728	(23.540.728)	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	(276.636.000)	(276.636.000)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(117.703.639)	(117.703.639)
Số dư cuối kỳ	13.831.800.000	1.454.245.544	32.805.890	(1.107.255.131)	14.211.596.303

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	7.106.000.000	51,37%	7.106.000.000	51,37%
Vốn góp của đối tượng khác	6.725.800.000	48,63%	6.725.800.000	48,63%
	13.831.800.000	100,00%	13.831.800.000	100,00%